TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ không tham gia phiên toà.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 474/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thiều Thị M; Sinh năm 1996. (Có mặt)
HKTT: Thôn 7, xã MH, huyện BĐ, tỉnh BP.

2. *Bị đơn*: Anh Cao Ngọc D; Sinh năm 1991. (Vắng mặt)
HKTT: Thôn TN, xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thiều Thị M trình bày: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ đầu năm 2017, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện BĐ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D gen tuông vô cớ, không chăm lo cuộc sống gia đình, hay cùng bạn bè chơi bời, nhậu nhẹt, chị khuyên can nhưng anh D không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh D nhiều lần đánh đập chị. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài liên tục và trở nên trầm trọng nên từ tháng 9/2018 chị và anh D sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, chị thấy không còn tình cảm với anh D, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Chị và anh D có 01 con chung là Cao Phương Hà M, sinh ngày 31/12/2017. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi nào cần chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Về tài sản, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2019 bị đơn anh Cao Ngọc D trình bày: Xác nhận về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và tình trạnh hôn nhân như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn có một phần lỗi do anh hay uống rượu, ngoài ra do tính cách anh và chị M không hợp nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân trong thời gian dài mà không hàn gắn được tình cảm. Nay anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị M, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt; xác nhận giữa anh và chị M có 01 con chung là Cao Phương Hà M, sinh ngày 31/12/2017. Từ khi sống ly thân chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Anh và chị M không có tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do bận công việc, đường xa đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký và được Uỷ ban nhân dân xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh BP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2017 ngày 12/9/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Chị M và anh D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghi ngờ chị M có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh D nhiều lần đánh đập chị M và không chăm sóc gia đình, vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9/2018 chị M bỏ về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh D cho đến nay, không thể hàn gắn được tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh D là có căn cứ; Anh D đồng ý ly hôn với chị M nhưng không đến Tòa án giải quyết vụ án nên không có cơ sở ghi nhận thỏa thuận mà cần xử cho chị M được ly hôn với anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là Cao Phương Hà M, sinh ngày 31/12/2017, hiện do chị M trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh D và chị M đều đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh D có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nên không xem xét.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thiều Thị M được ly hôn với anh Cao Ngọc D.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Phương Hà M, sinh ngày 31/12/2017 cho chị Thiều Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Thiều Thị M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022488 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh BP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Huệ